

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/DS-ST

Ngày: 28-5-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Xuân Khanh

2. Ông Huỳnh Tiến Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 451/2019/TLST-DS ngày 25/12/2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Thảo, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 48 đường Nguyễn Huy Tự, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22/10/2019) (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Anh V, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 120 đường Ngô Quyền, Tổ 41, Khu phố 6, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/10/2014, ông Nguyễn Anh V có ký hợp đồng tín dụng số 20141017-500002-0022 với Ngân hàng T để vay số tiền 52.500.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 2.92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Nguyễn Anh V có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền 85.494.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.375.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.369.000 đồng. Thanh toán vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 20/11/2014.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông V số tiền 50.000.000 đồng qua bưu điện và thanh toán phí bảo hiểm với số tiền 2.500.000 đồng thay cho ông V. Ông V đã thanh toán cho Ngân hàng được 07 lần với tổng số tiền đã trả là 16.625.000 đồng. Kể từ ngày 03/9/2015 đến nay ông V không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Ngân hàng T yêu cầu ông Nguyễn Anh V thanh toán tổng số tiền 68.896.000 đồng, bao gồm nợ gốc là 46.051.089 đồng và nợ lãi là 22.817.911 đồng.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Anh V nhưng ông V không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Anh V vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận một phần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Anh V thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng (Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 20141017-500002-0022 ngày 09/10/2014). Bị

đơn có nơi cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là loại việc về tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Anh V đã được tổng đạt đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, ngày 09/10/2014, ông Nguyễn Anh V xác lập hợp đồng tín dụng theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn số 20141017-500002-0022 với Ngân hàng. Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn số 20160630-101066-4935 ngày 09/10/2014 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Anh V thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện.

Nguyên đơn cho rằng đã giải ngân cho ông V số tiền 50.000.000 đồng qua bưu điện và thanh toán phí bảo hiểm với số tiền 2.500.000 đồng thay cho ông V. Ông V đã thanh toán cho Ngân hàng được 07 lần với tổng số tiền đã trả là 16.625.000 đồng. Do ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông V thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng với số tiền 68.896.000 đồng, bao gồm nợ gốc là 46.051.089 đồng và nợ lãi là 22.817.911 đồng. Xét thấy, căn cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 50.000.000 đồng cho ông Nguyễn Anh V thông qua bưu điện. Đối với số tiền phí bảo hiểm với số tiền 2.500.000 đồng nguyên đơn cho rằng đã thanh toán thay cho ông V nhưng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh Ngân hàng đã thanh toán số tiền trên. Đồng thời, nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Nguyễn Anh V có giao kết hợp đồng bảo hiểm. Do đó, việc nguyên đơn cho rằng đã thanh toán thay cho ông V số tiền phí bảo hiểm 2.500.000 đồng là không có cơ sở. Do đó, chỉ có cơ sở xác định ông Nguyễn Anh V nợ Ngân hàng số tiền gốc là 50.000.000 đồng tương ứng số tiền ông V có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng gồm cả gốc và lãi là 81.422.857 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng xác định ông V đã thanh toán được 07 lần với số tiền 16.625.000 đồng, căn cứ bản Kế hoạch trả nợ của ông V do Ngân hàng cung cấp xác định số tiền ông V thanh toán 16.625.000 đồng, gồm có nợ gốc là 6.448.911 đồng và tiền lãi là 10.176.089 đồng. Như vậy, ông V còn phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 64.797.857 đồng, bao gồm nợ gốc là 43.551.089 đồng và tiền lãi là 21.246.768 đồng. Do đó, chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc ông V thanh toán tổng số tiền là 64.797.857 đồng, không có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 4.071.143 đồng.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ngân hàng phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận với số tiền án phí là 300.000 đồng. Ông Nguyễn Anh V phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 68.896.000 đồng, tương đương số tiền án phí là: $64.797.857 \text{ đồng} \times 5\% = 3.239.892 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T đối với bị đơn ông Nguyễn Anh V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Nguyễn Anh V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền 64.797.857 đồng (Sáu mươi tư triệu bảy trăm chín mươi bảy ngàn tám trăm năm mươi bảy đồng), bao gồm nợ gốc là 43.551.089 đồng và tiền lãi là 21.246.768 đồng.

Tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/5/2020 được tính theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn số 20141017-500002-0022 ngày 09/10/2014) đã ký kết giữa ông Nguyễn Anh V và Ngân hàng T cho đến khi ông Nguyễn Anh V thi hành án xong.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Anh V thanh toán số tiền 4.071.143 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Anh V phải nộp số tiền 3.239.892 đồng (Ba triệu hai trăm ba mươi chín ngàn tám trăm chín mươi hai đồng). Ngân hàng T phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền 1.422.000

đồng (Một triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0041174 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Trung